

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Ngọc Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vương Hoàng Phúc

2. Bà Lâm Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiên Thị Minh Hiếu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Thị Hồng Lánh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Chị H. T. H. N, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh L. N. T, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, chị H. T. H. N là ngU đơn trình bày: chị với anh L. N. T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Đến năm 2015 mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, anh T thường xuyên mắng chửi, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và hăm dọa sức khỏe tính mạng của chị và người thân trong gia đình chị. Đầu năm 2017 anh T bạo

hành đánh đập chị, dùng dao tự chế chém gây thương tích cho chị. Hiện nay anh T đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam B thuộc thị xã DH, tỉnh Trà Vinh xét thấy không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. N. T.

Về con chung: có 01 người con chung tên L. T. U, sinh ngày 08/01/2009, hiện đang sống với chị, nguyện vọng của cháu U muốn theo ai do con quyết định.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh L. N. T là bị đơn trình bày: Về hôn nhân, con chung như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N không chung thủy với anh, thường ăn nhậu và có nhiều mối quan hệ xã hội không tốt, anh có khU nhiều lần, chị N cũng có sửa chữa nhưng sau đó vẫn tiếp tục đi dẫn đến cự cãi nhau. Giữa năm 2017 chị N không chung thủy nên anh có gây thương tích cho chị N, nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N và yêu cầu được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn. (Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Chị H. T. H. N với anh L. N. T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn ly hôn với anh T. Xét tư cách khởi kiện của ngU đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H. T. H. N và L. N. T kết hôn với nhau do hai người tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008. Quá trình chung sống chị với anh T thời gian đầu sống có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xU cự cãi nhau. Đến năm 2015 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị N cho rằng anh T thường xU mắng chửi, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị và hăm dọa sức khỏe tính mạng của chị và người thân trong gia đình chị. Đầu năm 2017 anh T bạo hành chị, dùng dao tự chế chém gây thương tích cho chị. Hiện nay anh T đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam B thuộc thị xã DH, tỉnh Trà Vinh, xét thấy không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. N. T.

Đối với anh L. N. T cho rằng: quá trình chung sống có hạnh phúc, sau đó do chị N quan hệ với người đàn ông khác, thường xU ăn nhậu và có nhiều mối quan hệ xã hội không tốt, anh T có khuyên nhiều lần, chị N có hứa sẽ khắc phục, nhưng không sửa đổi dẫn đến cự cãi với nhau anh T nhiều lần dùng dao dọa chém chị N đe dọa chị N sợ và khai ra.

Đến ngày 21/02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn do chị N không giữ lời hứa, không chung thủy, hai người cự cãi nhau, dẫn đến anh T dùng dao chém trúng tay trái của chị N gây thương tật, anh cho rằng còn thương vợ thương con, anh không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ, nhưng anh không có biện pháp nào thể hiện đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con chung. Thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị N, hơn nữa hiện nay anh T đang chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T là không có cơ sở chấp nhận, xét mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị H. T. H. N được ly hôn với anh L. N. T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Có một con chung tên L. T. U, sinh ngày 08/01/2009, cả chị N, anh T đều yêu cầu được nuôi con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu U đang sống với chị N. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt L. T. U, nhưng tại bản tự khai ngày 27/3/2018 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là chị H. T. H. N.

Xét yêu cầu của chị N là chính đáng, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L. T. U, sinh ngày 08/01/2009 theo nguyện vọng của cháu U, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Không có nên không đặt ra giải quyết

[5] *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Chị H. T. H. N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. T. H. N.

1. Xử cho chị H. T. H. N được ly hôn với anh L. N. T.

2. Về con chung: Chị H. T. H. N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là L. T. U, sinh ngày 08/01/2009 (theo nguyện vọng của cháu U), anh L. N. T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu.

3. Về án phí: Buộc chị H. T. H. N phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013630, ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, nên chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt ngU đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, để xin Toà án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã H;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

